

Bản án số:133/2018/DS-ST
Ngày: 08-10-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Tư

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 266/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:110/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T:

Chị Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2018)

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Ông Võ Văn M, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim B trình bày: Bà N và ông M có mở và làm đầu thảo các dây hụi, bà T là hụi viên tham gia 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 01: Hụi mở vào tháng 8 năm 2012 âm lịch, hụi tiền mỗi phần là 3.000.000 đồng, gồm 18 phần, mỗi năm mở hụi 03 lần, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần, bà đóng hụi sống đến kỳ mở hụi thứ 11 vợ chồng bà N, ông M ngưng hụi và hứa sẽ gom tiền giao cho bà T 33.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng, còn lại 32.000.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà T.

- Dây hụi 02: Hụi mở vào tháng 01 năm 2011 âm lịch, hụi tiền mỗi phần là 3.000.000 đồng, gồm 21 phần, mỗi năm mở hụi 03 lần, trong dây hụi này bà T tham gia 01 phần, bà T đóng hụi sống đến kỳ mở hụi thứ 18, lần thứ 19 thì bà T hốt hụi được 55.500.000 đồng nhưng bà N, ông M chỉ giao 43.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 11.500.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà T.

Tổng cộng bà N, ông M còn nợ lại bà số tiền 43.500.000 đồng tiền hụi. Do quyền lợi bị xâm phạm nên nay bà T yêu cầu bà N, ông M trả lại 43.500.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị N và ông Võ Văn M vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T có đơn khởi kiện đối với bà N, ông M. Bà N, ông M có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện bà N và ông M để tranh chấp tiền nợ hụi. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị N và ông Võ Văn M vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N và ông M.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Bà T yêu cầu bà N, ông M phải trả số tiền nợ là 43.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy bà T là hụi viên có tham gia 02 dây hụi tiền do bà N và ông M làm đầu thảo là có thật, thể hiện qua 02 danh sách hụi do bà T cung cấp. Hơn nữa tại bản tự khai những người làm chứng là hụi viên trong các dây hụi trên đều xác nhận bà T có tham gia chơi hụi; ông M,

bà N có tổ chức hội và nợ hội như bà T trình bày. Bà N và ông M là chủ hội nhưng lại để hội vỡ, không giao đủ tiền cho hội viên khi hết hội, mặc dù bà T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của hội viên đóng đúng kỳ theo các kỳ hội. Sau khi hội vỡ bà N và ông M cũng không giao lại phần tiền mà hội viên là bà T đã đóng trước đây, vi phạm nghĩa vụ của chủ hội được quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Bị đơn bà N, ông M đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng bà N, ông M vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy bà N, ông M đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà T là có cơ sở, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà N và ông M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 288, 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Võ Thị N và ông Võ Văn M.

Buộc bà N và ông M phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà T số tiền nợ 43.500.000 đồng, thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N và ông M chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng bà N và ông M còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị N và ông Võ Văn M phải chịu 2.175.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.087.500 đồng theo biên lai thu tiền số 15837 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thừa